



Báo cáo
Đánh giá rủi ro thiên tai
và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng
đồng
xã Nga Thẳng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý.....	4
2. Đặc điểm địa hình.....	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu.....	5
5. Phân bố dân cư, dân số.....	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	6
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	8
1. Lịch sử thiên tai.....	8
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH.....	9
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	9
4. Đối tượng dễ bị tổn thương.....	10
5. Hạ tầng công cộng	10
a) Điện	10
b) Đường và cầu cống	11
a) Trường	14
b) Cơ sở Y tế	14
c) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	15
d) Chợ	15
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè).....	15
7. Nhà ở.....	16
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	16
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến.....	17
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý.....	17
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	23
13. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH.....	23
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	25
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	25
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	26
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	26
2. Hạ tầng công cộng.....	29
3. Công trình thủy lợi.....	31

4. Nhà ở.....	31
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	33
6. Y tế và quản lý dịch bệnh	34
7. Giáo dục.....	35
8. Rừng.....	36
9. Trồng trọt.....	37
10. Chăn nuôi.....	42
11. Thủy Sản	44
12. Du lịch.....	45
13. Buôn bán và dịch vụ khác.....	45
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	47
15. Phòng chống thiên tai/TU`BĐKH.....	48
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	50
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	53
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp.....	54
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH.....	54
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH	56
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	62
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	62
E. Phụ lục.....	64
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	64
2. Phụ Lục: Một số bảng biểu thu thập thông tin.....	64
a. Lịch sử thiên tai.....	64
b. Tổng hợp rủi ro	65
3. Phụ Lục: Một số hình ảnh.....	71
F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	
Error! Bookmark not defined.	
1. Khái niệm.....	Error! Bookmark not defined.
2. Nội dung đánh giá.....	Error! Bookmark not defined.

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Xã Nga Thắng là một xã vùng đồng chiêm trũng nằm ở phía Tây huyện Nga Sơn, cách trung tâm huyện Nga Sơn 5km về phía Đông

Phía Đông giáp xã Nga Văn;

Phía Tây giáp xã Hà Hải, huyện Hà Trung;

Phía Bắc giáp xã Ba Đình;

Phía Nam giáp xã Nga Lĩnh

2. Đặc điểm địa hình

Xã có địa hình không bằng phẳng, có vùng trũng, vùng núi. Có 3,5 km đê địa phương, 0,8 km đê cấp 4 TW bao quanh 3/5 thôn của xã, bên sông Hoạt đoạn qua xã 4,3 km.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

ST T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	22-23		Tăng 2.1 °C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	41	6-8	Tăng 2 ⁰ C-2,4 ⁰ C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	< 2	11-12-1	Tăng khoảng 2-2.4 ⁰ C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1700		Tăng 18.6 ^{mm}

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục

PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của tỉnh Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm			X	
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Đến năm 2050 Tăng khoảng 25cm (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ Hòn Dấu đến Đèo Ngang)
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Khoảng 1,43% diện tích
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				Tăng

() Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật*

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Thôn Xa Liễn	381	127	1463	758	705	12	20
2	Thôn Thượng	180	46	667	335	332	8	17
.....	Thôn Giáp	156	34	603	320	283	11	10
	Thôn Trung Cự	128	48	574	299	275	5	19
	Thôn Tam Linh	238	86	1001	518	483	9	28

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	692,56
1	Nhóm đất Nông nghiệp	427,48
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	411,08
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	397,75
1.1.2	Đất trồng lúa	367,1
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	30,64
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	13,33
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	5,31
1.2.1	Đất rừng sản xuất	5,31
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	6,05
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	6,05
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	0
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	5,05
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	199,4
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	65,68
4	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	0%
	- Đất nông nghiệp	0%
	- Đất ở	0%
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”		

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

T T	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính

		GDP địa phương (%)	(hộ)		(%)
1	Trồng trọt	18	928	5,76 tấn/ha	91,6%
2	Chăn nuôi	10	960	23 triệu VND/năm	94,5%
3	Nuôi trồng thủy sản	5	355	63 ha	82%
4	Đánh bắt hải sản	0	0	(tấn)	
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	9	20	10 triệu VND/năm)	100%
6	Buôn bán	0,7	58	120 triệu VND/năm)	95%
7	Du lịch	0	0	(triệu VND/năm)	
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	57,3	1425	84 triệu VND/năm)	
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”					

T	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
1	Trồng trọt		928	5,76 tấn/ha	91,6%
2	Chăn nuôi		960	23 triệu VND/năm	94,5%
3	Nuôi trồng thủy sản		355	63 ha	82%
4	Đánh bắt hải sản		0	(tấn)	
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)		20	10 triệu VND/năm)	100%
6	Buôn bán		58	120 triệu VND/năm)	95%
7	Du lịch		0	(triệu VND/năm)	
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v		1425	84 triệu VND/năm)	
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”					

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

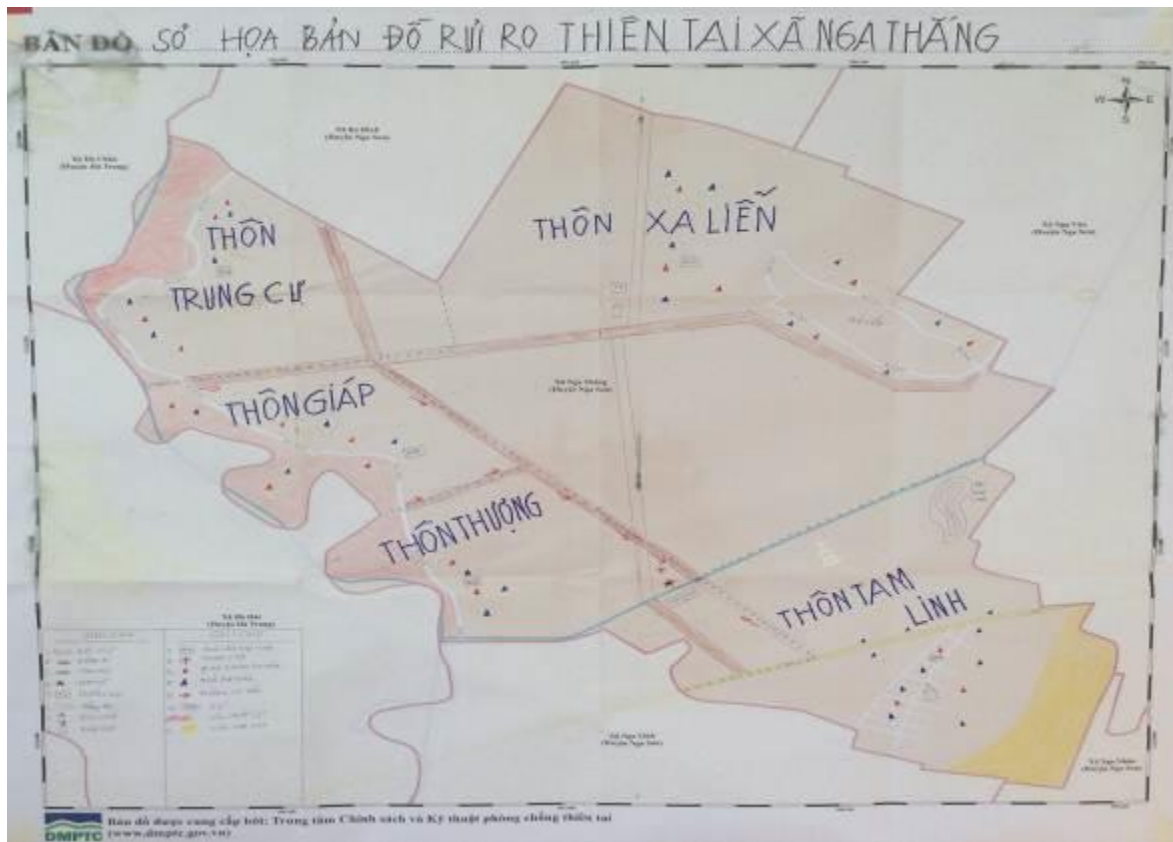
1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
10/2017	Áp thấp nhiệt đới	5 thôn	Xa Liên Thượng Giáp Trung Cự Tam Linh	1. Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	0	0
				2. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	0	0
				3. Số nhà bị thiệt hại:	0	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	5,3	
				9. Số cây ăn quả bị thiệt hại:	11 cây to	
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	30	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	
				12. Các thiệt hại khác + Hoa màu + Lợn chết	3 ha 7 con	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	3.590 triệu đồng	
1-2/2016	Rét đậm, rét hại	5 thôn	Xa Liên Thượng Giáp Trung Cự Tam Linh	8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	119	
				12, Các thiệt hại khác + Lạc bị hư hại + Mạ bị chết	7 ha 0,2 ha	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1.420 triệu đồng	
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”						

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Xa Liên	Cao	Tăng	Cao
		Thượng	Cao	Tăng	Cao
		Giáp	Cao	Tăng	Cao
		Trung Cự	Cao	Tăng	Cao
		Tam Linh	Cao	Tăng	Cao
2	Lũ lụt	Thượng	Trung Bình	Tăng	Cao
		Giáp	Cao	Tăng	Cao
		Trung Cự	Trung bình	Tăng	Cao
3	Hạn Hán	Xa Liên	Trung bình	Tăng	Cao
		Thượng	Trung bình	Tăng	Cao
		Giáp	Trung bình	Tăng	Cao
		Trung Cự	Trung bình	Tăng	Cao
		Tam Linh	Trung bình	Tăng	Cao
4	Ngập lụt do nước dâng do bão				
5	Các dạng thiên tai khác		Trung bình	Tăng	Cao
Ghi chú khác : Các loại thiên tai được quy định trong luật PCTT					
Nhận xét:					

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

T	T	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai *	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		N	Tổng	N	Tổng		N	Tổng	N	Tổng	N	Tổng	N	Tổng	N	Tổng
1	Xa Liên	59	118	79	185	16	198	289	16	23	3	10	8	12	2	3
2	Thượng	13	26	56	93	6	62	83	17	20	5	6	7	8	1	1
3	Giáp	27	60	45	108	5	62	79	18	37	6	7	8	11	3	3
4	Trung Cự	23	28	38	59	7	43	63	11	20	4	5	2	5	5	5
5	Tam Linh	42	79	98	202	12	92	131	29	49	13	16	6	9	6	8

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố

1	Cột điện	Xa Liễn	1992-2016	Cột	200	20
		Thượng	1992-2018	Cột	70	0
		Giáp	1992	cột	60	20
		Trung Cự	1992	cột	90	10
		Tam Linh	1992-2016	cột	115	10
2	Dây điện	Xa Liễn	1992-2016	Km	6,7	0
		Thượng	1992-2018	Km	3,5	0
		Giáp	1992	Km	2,4	0
		Trung Cự	1992	Km	3	0
		Tam Linh	1992-2016	Km	6,6	0
3	Trạm điện	Xa Liễn	1992	Trạm		01
		Thượng	2014	Trạm	01	
		Giáp	1992-2014	Trạm	01	01
		Trung Cự				
		Tam Linh	1992	Trạm		01

B) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
1	Đường	Xa Liễn					
	Đường quốc lộ			Km	0	0	0
	Đường tỉnh/huyện		2006	Km	1,9	0	0
	Đường xã		2006	Km	0,3	0	0

	Đường thôn		2009-2018	Km	0	5,95	0
	Đường nội đồng		2015-2018	km	0	1,25	0
2	Cầu, Cống	Xa Liễn	Năm xây dựng	Đơn vị	Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông				0	0	0
	Cống			cái	5	0	0
TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
1	Đường	Thôn Thượng			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ			Km	0	0	0
	Đường tỉnh/huyện		2006	Km	1,3	0	0
	Đường xã			Km	0	0	0
	Đường thôn		2004-2018	Km	0	3,5	0
	Đường nội đồng			km	0	0,6	2,17
2	Cầu, Cống		Năm xây dựng	Đơn vị	Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông		2004	cái	01	0	0
	Cống			cái	18	0	0
TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
1	Đường	Thôn Giáp			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ			Km	0	0	0
	Đường tỉnh/huyện			Km	0	0	0
	Đường xã		2006-2014	Km	0,4	0,73	

	Đường thôn		2005-2018	Km	0	1.65	0.5
	Đường nội đồng		2014-2018	km	0	0.2	2.48
2	Cầu, Cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông			cái	0	0	0
	Cống		2003-2018	cái	5	0	0
TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
1	Đường	Thôn Trung cự			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ			Km	0	0	0
	Đường tỉnh/huyện			Km	0	0	0
	Đường xã		2014	Km	0	1,2	0
	Đường thôn		2010,2018	Km	0	4,75	0
	Đường nội đồng		2016,2018	km	0	0,71	2,77
2	Cầu, Cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông			cái	0	0	0
	Cống			cái	4	0	0
TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
1	Đường	Tam Linh			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ			Km	0	0	0
	Đường tỉnh/huyện		2006-2012	Km	1,9	0	0
	Đường xã			Km	0	0	0

	Đường thôn		2008-2018	Km	0	3,9	
	Đường nội đồng		2017-2018	km	0		3,1
2	Cầu, Cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông			cái	0	0	0
	Cống			cái	2	0	0

a) Trường

TT	Trường	Thôn*	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Mầm non	Thượng	2009	14	14		
2	Trường Tiểu học	Thượng	2008	18	14	4	
3	Trường THCS	Xa Liễn	2006	22	22		

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

(*) Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường

(**) Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

Hướng dẫn điền

- Nếu có nhiều trường thì thêm dòng

b) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện*		0	0	0	0	0	0
	Trạm y tế	Thượng	2017	9	14	11	3	0
	Cơ sở khám		0	0	0	0	0	0

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

(*) Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

Hướng dẫn điền

c) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	Thượng	2014	1	Phòng	25		
2	Nhà văn hóa xã	Thượng	2018	1	Cái	1		
3	Nhà văn hóa thôn	Xa liền	2005	1	Cái	1		
		Thượng	2000	1	Cái	1		
		Giáp	2010	1	Cái	1		
		Trung Cự	2012	1	Cái	1		
		Tam Linh	2008	1	Cái	1		
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

d) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã				Cái			
2	Chợ tạm/chợ cóc				Cái			
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
1	Đê	km	2002	0,8		3,4
2	Kè	Km	2018	0,8		
3	Kênh mương	Km	2003-2018	9	0	26
4	Cống	Cái	2003-2018	34		
5	Đập thủy lợi	Cái				

6	Trạm bơm	Cái	2017	1		
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Xa Liễn	381	188	140	53	0
2	Thượng	180	55	90	35	0
3	Giáp	156	25	92	39	0
4	Trung Cự	128	35	63	30	0
5	Tam Linh	238	90	118	30	0
	Tổng	1083	393	503	187	0
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Xa Liễn	381	381				305	267	114	
2	Thượng	180	180				108	144	36	
3	Giáp	156	156				124	126	30	
4	Trung Cự	128	128				102	98	30	
5	Tam Linh	238	238				142	168	70	
	Tổng	1083	1083				781	803	280	
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”										
<i>Hướng dẫn điền</i>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	110	40	26	30	11
4	Tay chân miệng	65	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	206	0	0	0
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn							
2	Rừng trên cát							
3	Rừng tự nhiên	1998	Tam Linh	3,3	2	Bạch đàn		0
		1998	Xa liền	8,1	5	bạch đàn, keo		5
4	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng							
5	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng							
6	Rừng khác							
	Tổng							
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”; Lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
a. Thôn Xa Liễn							
1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	130	325	295		30%
	b. Hoa màu	Ha	0	0	0		0
	c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0		0
	d. Cây hàng năm	Ha	0	0	0		0
	e. Cây ăn quả	Ha	9,3	275	260		30%
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	378	78	66		10%
	b. Gia cầm	Con	4536	58	49		20%
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt		0	0	0		0
	a. Người dân đi biển	Hộ	0	0	0		0
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0		0
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0		0
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0		0
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	21,2	79	68		30%
	c. Lồng bè	Cái	0	0	0		0
5	Du lịch		0	0	0		0
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn	0	0	0		0

	b. Điềm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điềm/trung tâm	0	0	0		0
6	Buôn bán và dịch vụ khác	Hộ	29	29	24		0%

b. Thôn Thượng

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	50,4	165	153		25%
	b. Hoa màu	Ha	2,5	5	1		30%
	c. Cây lâu năm	Ha					
	d. Cây hàng năm	Ha					
	e. Cây ăn quả	Ha	4,1	136	112		15%
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	243	61	48		25%
	b. Gia cầm	Con	2920	152	144		20%
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt		0	0	0		0
	a. Người dân đi biển	Hộ	0	0	0		0
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0		0
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0		0
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0		0
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	8,6	48	38		23%
	c. Lồng bè	Cái	0	0	0		0
5	Du lịch		0	0	0		0
	a. Điềm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điềm/khách	0	0	0		0

		sạn					
	b. Điềm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điềm/trung tâm	0	0	0		0
6	Buôn bán và dịch vụ khác	Hộ	13	13	13		0%

c. Thôn Giáp

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	43,3	135	128		30%
	b. Hoa màu	Ha	0	0	0		0
	c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0		0
	d. Cây hàng năm	Ha	0	0	0		0
	e. Cây ăn quả	Ha	3,6	131	112		30%
2	Chăn nuôi	con					
	a. Gia súc	Con	453	37	33		20%
	b. Gia cầm	Con	2560	117	113		25%
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt		0	0	0		0
	a. Người dân đi biển	Hộ	0	0	0		0
	b. Tàu thuyền gắn bờ	Tàu	0	0	0		0
	c. Tàu thuyền gắn bờ	Tàu	0	0	0		0
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0		0
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	8,8	102	88		30%
	c. Lồng bè	Cái	0	0	0		0
5	Du lịch		0	0	0		0

	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn	0	0	0		0
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm	0	0	0		0
6	Buôn bán và dịch vụ khác	Hộ	11	11	10		0

d. Thôn Trung Cự

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	53,1	104	96		30%
	b. Hoa màu	Ha					
	c. Cây lâu năm	Ha					
	d. Cây hàng năm	Ha					
	e. Cây ăn quả	Ha	5,6	97	73		25%
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	396	42	37		20%
	b. Gia cầm	Con	2410	115	93		30%
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt		0	0	0		0
	a. Người dân đi biển	Hộ	0	0	0		0
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0		0
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0		0
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha					
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	21,1	81	62		35%
	c. Lồng bè	Cái	0	0	0		0

5	Du lịch		0	0	0		0
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn	0	0	0		0
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm	0	0	0		0
6	Buôn bán và dịch vụ khác	Hộ	4	4	4		

e. Thôn Tam Linh

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	42	199	178		20%
	b. Hoa màu	Ha	18	168	162		25%
	c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
	d. Cây hàng năm	Ha	12	103	98		20%
	e. Cây ăn quả	Ha	3,9	171	146		20%
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	359	132	122		10%
	b. Gia cầm	Con	3176	193	177		25%
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt		0	0	0		0
	a. Người dân đi biển	Hộ	0	0	0		0
	b. Tàu thuyền gắn bờ	Tàu	0	0	0		0
	c. Tàu thuyền gắn bờ	Tàu	0	0	0		0
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0		0
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	3,3	45	36		25%

	c. Lồng bè	Cái	0	0	0		0
5	Du lịch		0	0	0		0
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn	0	0	0		0
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm	0	0	0		0
6	Buôn bán và dịch vụ khác	Hộ	14	14	12		

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	95	5 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	95	5 thôn
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	28	5 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	95	
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	0	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	900	

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

Phần nhận xét cần thêm: loại thông tin dự báo TT và BĐKH nào? Được chuyển tải đến người dân bằng những kênh thông tin nào? Thông tin có dễ hiểu và dễ làm theo cho các đối tượng DBTT không? (PN, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...)

13. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	5	Xa Liễn Thượng Giáp

				Trung Cụ Tam Linh
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3	Trường Mầm non Trường Tiểu học Trường THCS
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	2	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	23	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	10	Chỉ đạo thôn, phụ trách hậu cần
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	5	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	100	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TUBĐKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	0	
	- Áo phao	Chiếc	15	
	- Loa cầm tay	Chiếc	3	
	- Đèn pin	Chiếc	23	
8	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	
	- Lều bạt	Chiếc	0	
	- Xe vận tải	Chiếc	0	
9	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		0	
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	
10	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1	
11	Khác....			

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

TT	Lĩnh vực	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chùa Thượng (DTLSCM cấp tỉnh)	Thượng		1		1	
2	Di tích Vườn chè (DTLSCM cấp tỉnh)	Thượng	2016	1	1		
3	Nhà ông Phan Cự Số (DTLSCM cấp tỉnh)	Thượng	2016	1	1		
4	Di tích Vườn Mái (DTLSCM cấp tỉnh)	Xa Liễn	2016	1	1		
5	Phủ Sến (DTLSCM cấp tỉnh)	Xa Liễn	2012	1	1		

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Xa Liễn	Thượng	Giáp	Trung Cự	Tam Linh	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao 80 % dân có kiến thức	Trung bình 50 % dân có kiến thức	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng						
	- Điện	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Đường và cầu cống	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trường	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trạm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Chợ						
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	90 % công trình	90 % công trình	90 % công trình	90 % công trình	90 % công trình	Cao

4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	% hộ dân	% hộ dân	% hộ dân			
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	70%	70%	75%	80%	80%	
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	Cao				Cao	
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt	Thượng	180	- Có 180 hộ, 667 người ở trong vùng thường ngập lụt. - Ban PCTT thôn thiếu các trang thiết bị PCTT - 65% nam giới, 70% phụ nữ không biết bơi - 90% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 20% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời	- Có 20 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 20 người và có đội cứu hộ thôn 11 người, 35% nam giới, 30% phụ nữ biết bơi 10% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó thiên tai 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp
	Giáp	156	- Có 156 hộ, 603 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - 12 hộ, 60 người nhà ở ngoài đê	- Có 17 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán; ngoài đê có 1 nhà cao tầng. - Thôn có Ban PCTT thôn 10 người và có đội cứu hộ	Nguy cơ	Trung

			<p>Ban PCTT thôn thiếu các trang thiết bị PCTT</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% nam giới, 70% phụ nữ không biết bơi - 35% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 20% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<p>thôn 15 người,</p> <ul style="list-style-type: none"> 70% nam giới, 30% phụ nữ biết bơi 65% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	<p>thiệt hại về người</p>	<p>bình</p>
	Trung Cự	128	<ul style="list-style-type: none"> - Có 128 hộ, 674 người ở trong vùng thường ngập lụt. - Ban PCTT thôn thiếu các trang thiết bị PCTT - 25% nam giới, 75% phụ nữ không biết bơi - 80% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 20 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 10 người và có đội cứu hộ thôn 15 người, 75% nam giới, 25% phụ nữ biết bơi 20% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt 100% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	<p>Nguy cơ thiệt hại về người</p>	<p>Thấp</p>
Bão	Xa Liễn	381	<ul style="list-style-type: none"> - Có 381 hộ, 1.463 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 656 đối tượng dễ bị tổn thương - 127 phụ nữ làm chủ hộ - 905 người ở trong 193 nhà không an toàn trong bão - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 30% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 45% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - 188 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (Trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 15 người (3 nữ) và có đội cứu hộ thôn 11 người (nữ 1), - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về phòng chống bão - 70% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 55% hộ gia đình chủ động chằng chống bảo vệ nhà cửa 	<p>Thiệt hại về người</p>	<p>Trung bình</p>
	Thượng	180	<ul style="list-style-type: none"> - Có 180 hộ, 667 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 243 đối tượng dễ bị tổn thương 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 180 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (Trường học, UBND, Trạm 	<p>Thiệt hại về người</p>	<p>Trung bình</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - 46 phụ nữ làm chủ hộ - 463 người ở trong 125 nhà không an toàn trong bão -30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20 % người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 30% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 20 người và có đội cứu hộ thôn 11 người, 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán -70% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa 		
Giáp	156	<ul style="list-style-type: none"> - Có 156 hộ, 603 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 310 đối tượng dễ bị tổn thương - 44 phụ nữ làm chủ hộ - 532 người ở trong 131 nhà không an toàn trong bão -30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20 % người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 20% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 25 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (Trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 10 người và có đội cứu hộ thôn 15 người, 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 80% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa 	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình
Trung Cự	128	<ul style="list-style-type: none"> - Có 128 hộ, 574 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 192 đối tượng dễ bị tổn thương - 48 phụ nữ làm chủ hộ - 372 người ở trong 93 nhà không an toàn trong bão -30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20 % người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 20% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 35 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán; - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (Trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 10 người và có đội cứu hộ thôn 15 người, 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 80% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa 	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình
Tam Linh	238	<ul style="list-style-type: none"> - Có 238 hộ, 1001 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 35 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán; - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có 		

			<ul style="list-style-type: none"> - Có 506 đối tượng dễ bị tổn thương - 86 phụ nữ làm chủ hộ - 680 người ở trong 148 nhà không an toàn trong bão -50% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 50 % người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 50% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 	<p>thể làm nơi sơ tán bão (Trường học, UBND, Trạm y tế)</p> <p>- Thôn có Ban PCTT thôn 10 người và có đội cứu hộ thôn 15 người, 50% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>50% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán</p> <p>50% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa</p>	<p>Nguy cơ thiệt hại về người</p>	<p>Trung bình</p>
Sạt lở núi	Xa Liễn	381	<p>215 hộ, 960 người ở ven chân núi Sên. Trong đó: 223 đối tượng dễ bị tổn thương</p> <p>83 phụ nữ làm chủ hộ</p> <p>Người dân còn chủ quan vì lâu nay chưa có hiện tượng lở núi</p>	<p>Có 50 nhà kiên cố</p> <p>Núi có rừng cây lâu năm che phủ</p>	<p>Nguy cơ sạt lở núi ảnh hưởng đến tính mạng người dân</p>	<p>Trung bình</p>
Ghi chú khác:						

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt	Xa Liễn	381	- 1,53 km đường nội đồng là đường đất	1,25 km đường nội đồng đã bê tông	Đường nội đồng hư	Trung bình
Lụt	Thượng	180	- 2,17 km đường nội đồng là đường đất	0,6 km đường nội đồng đã bê tông 3,5 km đường thôn là đường bê tông	Đường nội đồng hư Đường thôn hư	Trung bình Thấp
	Giáp	156	- 2,48 km đường nội đồng là đường đất -0,5 km đường thôn là đường đất	0,2 km đường nội đồng đã bê tông 1,65 km đường thôn là đường bê tông	Đường nội đồng hư Đường thôn hư	Trung bình Trung bình
	Trung Cự	128	- 2,76 km đường nội đồng là đường đất	0,71 km đường nội đồng đã bê tông 4,75 km đường	Đường nội đồng hư Đường thôn hư	Trung bình Thấp

				thôn là đường bê tông		
Bão	Xa Liễn	381	20 cột điện chur kiên cố 6,7 km dây điện chạy quanh thôn	200 cột điện kiên cố 1 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý Nhà văn hóa thôn kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư	Trung bình Trung bình Thấp
	Thượng	180	3,5 km dây điện chạy quanh thôn Văn phòng HTX DV NN Nga Thắng bán kiên cố, xây dựng đã lâu	70 cột điện kiên cố 1 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý Nhà văn hóa thôn kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư VP HTX hư hại	Thấp Trung bình Thấp Cao
	Giáp	156	20 cột điện chur kiên cố 2,4 km dây điện chạy quanh thôn	60 cột điện kiên cố 1 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý Nhà văn hóa thôn kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư	Trung bình Trung bình Thấp
	Trung Cự	128	10 cột điện chur kiên cố 3 km dây điện chạy quanh thôn	90 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý Nhà văn hóa thôn kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư	Trung bình Trung bình Thấp
	Tam Linh	238	10 cột điện chur kiên cố 6,6 km dây điện chạy quanh thôn	115 cột điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý Nhà văn hóa thôn kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư	Trung bình Trung bình Thấp
Ghi chú khác						

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	Xa Liễn Thượng Giáp Trung Cụ Tam Linh		3,4 km đê chưa kiên cố 26 km kênh mương chưa kiên cố	0,8 km đê kiên cố 0,8 km kè kiên cố 9 km kênh mương kiên cố 34 công kiên cố 1 trạm bơm	Đê vỡ Kênh mương hư hại	Trung bình Trung bình
<i>Ghi chú khác</i>						

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt	Thượng	180	180 hộ có nhà ở trong vùng ngập lụt. Trong đó có 35 nhà thiếu kiên cố 30% hộ chưa chủ động chằng chống nhà cửa	55 nhà kiên cố 70% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa	Nhà bị hư hỏng	Thấp
	Giáp	156	156 hộ có nhà ở trong vùng ngập lụt, Trong đó: + 39 nhà thiếu kiên cố + 12 nhà ở ngoài đê 20% hộ chưa chủ động chằng chống nhà cửa	25 nhà kiên cố 80% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa	Nhà bị hư hỏng	Thấp
	Trung Cụ	128	128 hộ có nhà ở trong vùng ngập lụt. Trong đó có 30 nhà thiếu kiên cố 10% hộ chưa chủ động chằng chống nhà cửa	55 nhà kiên cố 90% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa	Nhà bị hư hỏng	Thấp
Bão	Xa Liễn	381	381 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 53 nhà thiếu kiên cố + 140 nhà bán kiên cố + 45% hộ chưa chủ động chằng chống nhà	188 nhà kiên cố 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 55% hộ chủ động	Nhà sập Nhà tốc mái	Trung bình Cao

			khi có tin báo bão	chăng chống nhà cửa khi có tin báo bão		
	Thượng	180	180 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 35 nhà thiếu kiên cố + 90 nhà bán kiên cố + 30% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có tin báo bão	55 nhà kiên cố 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 70% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Trung bình Cao
	Giáp	156	156 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 39 nhà thiếu kiên cố + 92 nhà bán kiên cố + 20% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có tin báo bão	25 nhà kiên cố 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 80% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Trung bình Cao
	Trung Cự	128	128 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 30 nhà thiếu kiên cố + 63 nhà bán kiên cố + 10% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có tin báo bão	35 nhà kiên cố 80% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 90% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Trung bình Cao
....	Tam Linh	238	238 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 30 nhà thiếu kiên cố + 118 nhà bán kiên cố + 50% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có tin báo bão	90 nhà kiên cố 50% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 50% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Trung bình Cao
Sạt lở núi	Xa Liên	381	215 nhà ở dưới chân núi Sến, trong đó có: + 64 nhà thiếu kiên cố + 91 nhà bán kiên cố Phần đông người dân còn chủ quan, coi thường	60 nhà kiên cố	Đất đá sạt lở làm sập nhà	Trung bình
Ghi chú khác						

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Xa Liễn	381	<ul style="list-style-type: none"> - 114 hộ còn sử dụng hố xí tạm - Một số hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường Nguồn nước giếng khoan đào sâu, nước không uống được do có một số kim loại nặng, đá vôi, đóng phèn - 30% người dân còn chưa có ý thức bảo vệ môi trường 	<p>381 hộ dùng nước giếng 305 hộ có bể chứa nước mưa dùng để ăn uống 267 hộ có hố xí hợp vệ sinh</p> <p>Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác</p> <p>Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng</p> <p>70% người dân có ý thức bảo vệ môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh Thiếu nguồn nước sạch để ăn uống 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Thấp Trung bình
	Thượng	180	<ul style="list-style-type: none"> - 36 hộ còn sử dụng hố xí tạm - Một số hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường Nguồn nước giếng khoan đào sâu, nước không uống được do có một số kim loại nặng, đá vôi, đóng phèn - 30% người dân còn chưa có ý thức bảo vệ môi trường 	<p>180 hộ dùng nước giếng 108 hộ có bể chứa nước mưa dùng để ăn uống 144 hộ có hố xí hợp vệ sinh</p> <p>Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác</p> <p>Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng</p> <p>70% người dân có ý thức bảo vệ môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh Thiếu nguồn nước sạch để ăn uống 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Thấp Trung bình
	Giáp	156	<ul style="list-style-type: none"> - 30 hộ còn sử dụng hố xí tạm - Một số hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - Nguồn nước giếng khoan đào sâu, nước không uống được do có một số kim loại nặng, đá vôi, đóng phèn 	<p>156 hộ dùng nước giếng 124 hộ có bể chứa nước mưa dùng để ăn uống 126 hộ có hố xí hợp vệ sinh</p> <p>Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác</p> <p>Thôn có kế hoạch vệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh Thiếu nguồn nước sạch để ăn uống 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Thấp Trung bình

			- 30% người dân còn chưa có ý thức bảo vệ môi trường	sinh môi trường hàng tháng 70% người dân có ý thức bảo vệ môi trường		
	Trung Cự	128	- 30 hộ còn sử dụng hố xí tạm - Một số hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - Nguồn nước giếng khoan đào sâu, nước không uống được do có một số kim loại nặng, đá vôi, đóng phèn - 20% người dân còn chưa có ý thức bảo vệ môi trường	128 hộ dùng nước giếng 102 hộ có bể chứa nước mưa dùng để ăn uống 98 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng 80% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh Thiếu nguồn nước sạch để ăn uống	Trung bình Thấp Trung bình
	Tam Linh	238	- 70 hộ còn sử dụng hố xí tạm - Một số hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - Nguồn nước giếng khoan đào sâu, đá khó đào, nước không uống được do có một số kim loại nặng, đá vôi, đóng phèn - 30% người dân còn chưa có ý thức bảo vệ môi trường	238 hộ dùng nước giếng 142 hộ có bể chứa nước mưa dùng để ăn uống 168 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng 70% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh Thiếu nguồn nước sạch để ăn uống	Trung bình Thấp Trung bình
Ghi chú khác						

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Bão và ngập lụt	Thôn		Trang bị y tế còn thiếu một số máy móc kỹ thuật cao như siêu âm, máy xét nghiệm tiểu đường v.v Người dân khi nào có bệnh mới đến khám	Trạm y tế có 1 tòa nhà 2 tầng và một dãy nhà bán kiên cố: 11 phòng kiên cố, 3 phòng bán kiên cố Trạm y tế có 1 bác sỹ (nữ), 3 Y sỹ (nữ), 1 dược sỹ (nữ) đã được qua đào tạo chính quy. Thôn có 1 y tế thôn Trạm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ và người cao tuổi mỗi năm 1-2 lần Tiêm chủng đạt 98% Trạm y tế quản lý dịch bệnh tốt, những năm qua không có dịch bệnh xảy ra 90% người dân có kiến thức về phòng chống dịch bệnh	Trạm y tế hư hại Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp
Bão	Các thôn Xa Liễn Giáp Trung Cụ Tam Linh		- Người dân chỉ đến khám khi có bệnh chứ không khám định kỳ - 10% người dân chưa có ý thức về phòng ngừa bệnh tật	Trạm y tế có 1 bác sỹ (nữ), 3 Y sỹ (nữ), 1 dược sỹ (nữ) đã được qua đào tạo chính quy. Mỗi thôn có 1 y tế thôn Trạm y tế quản lý dịch bệnh tốt, những năm qua không có dịch bệnh xảy ra 90% người dân có kiến thức về phòng chống dịch bệnh	Nguy cơ dịch bệnh	Thấp
....	Ghi chú khác					

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Thượng		Các trường Mầm non, Tiểu học đều ở trong vùng tác động của bão Trường Tiểu học có 14 phòng học bán kiên cố (phòng học cũ, dùng cho gió viên)	Trường Mầm non có 14 phòng học kiên cố Trường Tiểu học có 14 phòng học kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại	Thấp Thấp

			ng nghỉ giải lao, không dùng cho học tập)	phó với bão	Học sinh phải nghỉ học nhiều ngày do bão lụt	Thấp
	Xa Liên		Trường THCS ở trong vùng tác động của bão	Trường THCS có 22 phòng học kiên cố	Phòng học hư hại Trang thiết bị hư hại Học sinh phải nghỉ học nhiều ngày do bão lụt	Thấp Thấp Thấp
.....	Thôn....					

Ghi chú khác Các trường học đều ở vùng cao không bị ngập nước

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5c**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực giáo dục của **từng loại hình thiên tai** tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y giáo dục dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Xa Liên		8,1 ha rừng bạch đàn, keo nằm trong vùng tác động của bão, thân cây dòn, dễ gãy	Rừng trồng là sở hữu của người dân được người dân chăm sóc, bảo vệ thường xuyên	Nguy cơ bị gãy, đổ	Trung bình
.....	Tam Linh		3,3 ha rừng bạch đàn, nằm trong vùng tác động của bão, thân cây dòn, dễ gãy	Rừng trồng là sở hữu của người dân được người dân chăm sóc, bảo vệ thường xuyên	Nguy cơ bị gãy, đổ	Trung bình

Ghi chú khác

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt	Xa Liễn	381	130 ha đất trồng lúa ở vùng thường ngập úng Không có trạm bơm tiêu úng 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 325 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 90% lao động là phụ nữ Có 15 máy cày, 40 máy bơm 2,9 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nữ nhiều hơn nam (90%), do nam đi làm ăn xa thu nhập thêm, nữ chỉ ở nhà làm việc nhà nên sản xuất nhiều hơn	Lúa hư hại	Trung bình
	Thượng	180	50,4 ha đất trồng lúa ở vùng thường ngập úng 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 165 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 90% lao động là phụ nữ Có 10 máy cày , 2,8 kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nữ nhiều hơn nam (90%), do nam đi làm ăn xa thu nhập thêm, nữ ở nhà sản xuất nhiều hơn	Lúa hư hại	Trung bình
	Giáp	156	43,3 ha đất trồng lúa ở vùng thường ngập úng Không có trạm bơm tiêu úng	Có 135 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 85% lao động là phụ nữ Có 8 máy cày	Lúa hư hại	Trung bình

			10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	0,7 kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nữ nhiều hơn nam (85%), do nam đi làm ăn xa thu nhập thêm, nữ chỉ ở nhà làm việc nhà nên sản xuất nhiều hơn		
	Trung Cụ	128	59 ha đất trồng lúa ở vùng thường ngập úng Không có trạm bơm tiêu úng 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 104 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 90% lao động là phụ nữ Có 9 máy cày, 10 máy bơm 1,6 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nữ nhiều hơn nam (85%), do nam đi làm ăn xa thu nhập thêm, nữ chỉ ở nhà làm việc nhà nên sản xuất nhiều hơn	Lúa hư hại	Trung bình
	Tam Linh	238	42 ha đất trồng lúa ở vùng thường ngập úng 18 ha đất trồng ngô ở vùng thường ngập úng 12 ha đất trồng khoai ở vùng thường ngập úng 18 ha đất trồng hoa màu ở vùng thường ngập úng 1 ha đất trồng cây thuốc Lào ở vùng thường ngập úng Không có trạm bơm tiêu úng 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 199 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 85% lao động là phụ nữ Có 8 máy cày, 30 máy bơm 1 trạm bơm tưới, 1,6 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nữ nhiều hơn nam (85%),	Lúa hư hại Ngô hư hại Khoai hư hại Hoa màu hư hại Cây thuốc Lào hư hại	Trung bình Trung bình Trung bình Trung bình Trung bình

				do nam đi làm ăn xa thu nhập thêm, nữ chỉ ở nhà làm việc nhà nên sản xuất nhiều hơn		
Mưa nhiều	Xa Liên	381	130 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập Không có trạm bơm tiêu 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 325 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 90% lao động là phụ nữ Có 15 máy cày, 40 máy bơm 2,9 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Lúa hư hại	Trung bình
	Thượng	180	50,4 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập Không có trạm bơm tiêu 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 165 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 90% lao động là phụ nữ Có 10 máy cày , 2,8 kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Lúa hư hại	Trung bình
	Giáp	156	43,3 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập Không có trạm bơm tiêu 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 135 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 85% lao động là phụ nữ Có 8 máy cày HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Lúa hư hại	Trung bình
	Trung Cự	128	59 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập Không có trạm bơm tiêu 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 104 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 90% lao động là phụ nữ Có 9 máy cày, 10 máy bơm 1,6 km kênh mương kiên cố	Lúa hư hại	Trung bình

				HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt		
	Tam Linh	238	42 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm ngập úng 18 ha đất trồng ngô, khoai, hoa màu ở vùng thường bị mưa làm ngập úng 10% người dân chưa có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Có 199 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 85% lao động là phụ nữ Có 8 máy cày, 30 máy bơm 1 trạm bơm tưới, 1,6 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	Lúa hư hại Ngô hư hại Khoai hư hại	Trung bình Trung bình Trung bình
Bão	Xa Liên	381	130 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão	Có 325 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, Có 15 máy cày, 40 máy bơm 2,9 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa bị gãy đổ, hư hại	Cao
	Thượng	180	50,4 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão	Có 165 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, Có 10 máy cày , 2,8 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa bị gãy đổ, hư hại	Cao
	Giáp	156	43,3 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão 3,6 ha cây ăn quả ở trong vùng tác động của bão	Có 135 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, Có 8 máy cày HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa bị gãy đổ, hư hại Cây ăn quả gãy đổ	Cao Trung bình
	Trung Cự	128	59 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão	Có 104 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, Có 9 máy cày, 10 máy bơm	Lúa bị gãy đổ, hư hại	Cao

				1,6 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất		
	Tam Linh	238	42 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão 18 ha đất trồng ngô ở trong vùng tác động của bão	Có 199 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, Có 8 máy cày, 30 máy bơm 1 trạm bơm tưới, 1,6 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa bị gãy đổ, hư hại	Cao
Hạn	Xa Liên	381	130 ha đất trồng lúa ở trong vùng hay bị hạn	Có 15 máy cày, 40 máy bơm 2,9 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết/ giảm năng suất	Trung bình
	Thượng	180	50,4 ha đất trồng lúa ở trong vùng hay bị hạn	Có 10 máy cày , 2,8 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết/ giảm năng suất	Trung bình
	Giáp	156	43,3 ha đất trồng lúa ở trong vùng hay bị hạn	Có 8 máy cày 0,7 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết/ giảm năng suất	Trung bình
	Trung Cự	128	59 ha đất trồng lúa ở trong vùng hay bị hạn	Có 9 máy cày, 10 máy bơm 1,6 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết/ giảm năng suất	Trung bình
	Tam Linh	238	42 ha đất trồng lúa ở trong vùng hay bị hạn 18 ha đất trồng ngô, hoa màu ở trong vùng hay bị hạn	Có 8 máy cày, 30 máy bơm 1 trạm bơm tưới, 1,6 km kênh mương kiên cố HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
Rét	Xa Liên	381	130 ha đất trồng lúa ở trong vùng bị tác động	70% người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp	Lúa chết	Cao

			của rét 30% người dân chưa có kinh nghiệm, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất		
	Thượng	180	50,4 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét 30% người dân chưa có kinh nghiệm, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	70% người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết	Cao
	Giáp	156	43,3 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét 20% người dân chưa có kinh nghiệm, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	80% người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết	Cao
	Trung Cụ	128	59 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét 25% người dân chưa có kinh nghiệm, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	75% người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết	Cao
	Tam Linh	238	42 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét	100% người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa HTX DVSX NN Nga Thắng tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa chết	Trung bình

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỪBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt	Thượng	180	5 con trâu bò nuôi trong vùng lụt 207 con lợn nuôi trong vùng lụt có chuồng thấp	100% hộ chăn nuôi trâu bò có chuồng trại và có nơi để sơ tán trâu bò khi có lụt	Trâu bò trôi, chết Lợn	Thấp Trung bình

			2.920 con gia cầm nuôi trong vùng ngập (152 hộ) 50% hộ nuôi gia cầm còn thả rông Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 90%, do phụ nữ ở nhà làm công việc gia đình, nam đi làm ăn xa có thu nhập cao	50% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	trôi/chết Gia cầm chết	Trung bình
	Giáp	156	146 con trâu bò nuôi trong vùng ngập lụt, trong đó 27 hộ chuồng trại chưa an toàn. 22 hộ nuôi 307 con lợn nuôi trong vùng lụt, trong đó 9 hộ có chuồng thấp. 2560 con gia cầm nuôi trong vùng ngập (117 hộ) 37 hộ nuôi gia cầm còn thả rông Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 85%, do phụ nữ ở nhà làm công việc gia đình, nam đi làm ăn xa có thu nhập cao	40 hộ chăn nuôi trâu bò có chuồng trại an toàn 13 hộ nuôi lợn có chuồng trại cao 80 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gia cầm chết	Thấp Trung bình Trung bình
	Trung Cự	128	47 con trâu bò nuôi trong vùng ngập lụt, trong đó 27 hộ chuồng trại chưa an toàn. 32 hộ nuôi 286 con lợn nuôi trong vùng lụt, trong đó 50% hộ có chuồng thấp. 2410 con gia cầm nuôi trong vùng ngập (115 hộ) 50% hộ nuôi gia cầm còn thả rông Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 95%, do phụ nữ ở nhà làm công việc gia đình, nam đi làm ăn xa có thu nhập cao	20 hộ chăn nuôi trâu bò có chuồng trại an toàn 50% hộ nuôi lợn có chuồng trại cao 50% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gia cầm chết	Thấp Trung bình Trung bình
Bão	5 thôn		Có 15.602 con gia cầm được nuôi trong vùng bão (Xa Liễn: 4536, Thượng 2920, Giáp: 2560, Trung Cự: 2410, Tam Linh: 3176); trong đó trên 50% gia cầm nuôi thả rông Người dân còn chủ quan không nhốt gia cầm khi có thiên tai	50% gia cầm nuôi nhốt chuồng, vây lưới Một số hộ chăn nuôi chủ động bắt, nhốt gia cầm khi có cảnh báo bão	Gia cầm chết, mất mát	Thấp

Rét	Xa Liên	381	186 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét 32 hộ có chuồng trại nuôi trâu bò chưa kín gió 17 hộ chăn nuôi chưa áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	10 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 20 hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	Thượng	180	36 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét 16 hộ có chuồng trại nuôi trâu bò chưa kín gió 30% hộ chăn nuôi chưa áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	20 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 70% hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	Giáp	156	146 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét 27 hộ có chuồng trại nuôi trâu bò chưa kín gió 17 hộ chăn nuôi chưa áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	40 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 50 hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	Trung Cự	128	110 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét 40% hộ chăn nuôi chưa áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	57 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 60% hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	Tam Linh	238	142 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét 20% hộ chăn nuôi chưa áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	113 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 80% hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
.....	Thôn.....					

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
--------------------------	----------	------------	--------	--	-----------------------	--------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt	Xa Liễn	381	21,2 ha hồ nuôi thủy sản trong vùng ngập lụt, có mặt hồ thấp, hồ nhỏ nuôi tự nhiên, không đầu tư máy móc	- Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	Thượng	180	8,6 ha hồ nuôi thủy sản trong vùng ngập lụt, có mặt hồ thấp, hồ nhỏ nuôi tự nhiên, không đầu tư máy móc	- Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	Giáp	156	8,8 ha hồ nuôi thủy sản trong vùng ngập lụt, có mặt hồ thấp, hồ nhỏ nuôi tự nhiên, không đầu tư máy móc	- Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	Trung Cự	128	21,1 ha hồ nuôi thủy sản trong vùng ngập lụt, có mặt hồ thấp, hồ nhỏ nuôi tự nhiên, không đầu tư máy móc	- Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	Tam Linh	238	1,3 ha hồ nuôi thủy sản trong vùng ngập lụt, có mặt hồ thấp, hồ nhỏ nuôi tự nhiên, không đầu tư máy móc	- 2 ha hồ nuôi thủy sản có mặt đê cao - Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
.....	Thôn....					

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

12. Du lịch

Xã không có hoạt động du lịch

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt	Thượng	180	7 hộ kinh doanh buôn bán trong vùng ngập lụt	Hộ buôn bán có 2 hộ có nhà cao tầng, 5 hộ có nhà kiên cố	Hư hỏng hàng hóa	Thấp

			4 hộ xay xát trong vùng ngập, có sở bán kiên cố	Các hộ kinh doanh mua bán, dịch vụ có kinh nghiệm kê cất tài sản khi có nước ngập	Hư hại cơ sở, máy móc sản xuất	Thấp
	Giáp	156	11 hộ kinh doanh buôn bán trong vùng ngập lụt, trong đó có 9 hộ có nhà bán kiên cố 2 hộ làm nghề mộc trong vùng ngập, cơ sở sx bán kiên cố 2 hộ xay xát trong vùng ngập, có sở bán kiên cố	Hộ buôn bán có 2 hộ có nhà cao tầng, Các hộ kinh doanh mua bán, dịch vụ có kinh nghiệm kê cất tài sản khi có nước ngập	Hư hỏng hàng hóa Hư hại cơ sở, máy móc sản xuất	Thấp Thấp
	Trung Cụ	128	4 hộ kinh doanh buôn bán trong vùng ngập lụt có nhà bán kiên cố 1 hộ làm nghề may mặc trong vùng ngập, cơ sở sx bán kiên cố 4 hộ xay xát trong vùng ngập, có sở bán kiên cố	Các hộ kinh doanh mua bán, dịch vụ có kinh nghiệm kê cất tài sản khi có nước ngập	Hư hỏng hàng hóa Hư hại cơ sở, máy móc sản xuất	Thấp Thấp
Bão	Xa Liễn	381	20 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 13 nhà bán kiên cố 2 cơ sở may mặc bán kiên cố 6 cơ sở xay xát bán kiên cố 1 cơ sở mộc bán kiên cố	7 cơ sở kinh doanh hàng hóa kiên cố Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa uot/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	Thượng	180	9 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 7 nhà bán kiên cố 2 cơ sở may mặc bán kiên cố 2 cơ sở xay xát bán kiên cố 2 cơ sở mộc bán kiên cố	2 cơ sở kinh doanh hàng hóa kiên cố Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa uot/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	Giáp	156	11 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 9 nhà bán kiên cố 1 cơ sở xay xát bán kiên cố 2 cơ sở mộc bán kiên cố	2 cơ sở kinh doanh hàng hóa kiên cố Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng	Nhà hư hại Hàng hóa uot/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp

		cố	chống bão lụt, bảo vệ sản xuất		
Trung Cự	128	4 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 4 nhà bán kiên cố 1 cơ sở may mặc bán kiên cố 4 cơ sở xay xát bán kiên cố	Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
Tam Linh	238	14 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 8 nhà bán kiên cố 1 cơ sở may mặc bán kiên cố 3 cơ sở xay xát bán kiên cố	6 cơ sở kinh doanh hàng hóa kiên cố 1 cơ sở may mặc kiên cố Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	5 thôn		<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống truyền thanh của xã, thôn bằng loa có dây dễ bị bão làm hư hại Các thôn chưa có máy phát điện dự phòng khi có bão mất điện không phát tin được Thôn không có loa cầm tay Thông tin từ thôn đến xã và người dân còn chậm, chưa thường xuyên thông tin về thiên tai 5% người dân chưa nghe được các thông tin cảnh báo từ hệ thống truyền thanh xã, thôn 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống loa truyền thanh của thôn phủ khắp địa bàn thôn 95% người dân nghe được các thông tin, cảnh báo từ thôn 95% hộ gia đình có các phương tiện nghe nhìn, tiếp cận được các thông tin cảnh báo từ thông tin đại chúng 80% hộ gia đình có sử dụng điện thoại 900 hộ có sử dụng Internet. 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống truyền thanh hư hại Không đảm bảo thông tin, liên lạc, cảnh báo 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình

			5% hộ gia đình còn chưa có các phương tiện nghe nhìn			
Ghi chú khác						

15. Phòng chống thiên tai/TUĐBKH

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐBKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	Xa Liễn	381	<ul style="list-style-type: none"> - Ban PCTT thôn còn thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH. <p>30% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 45% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT</p>	<p>Ban PCTT thôn có 15 người (3 nữ), đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm</p> <p>Lực lượng xung kích thôn có 11 người(1 nữ)</p> <p>70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 55% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BĐKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
....	Thượng	180	<ul style="list-style-type: none"> - Ban PCTT thôn còn thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH. <p>30% người dân chưa có</p>	<p>- Thôn có Ban PCTT thôn 20 người, đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội cứu hộ thôn 11 người, <p>- 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BĐKH Nguy cơ ảnh</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>

			<p>kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p> <p>30 % người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT</p>	<p>-70% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai</p>	<p>hưởng đến con người và tài sản</p>	<p>Trung bình</p>
	Giáp	156	<p>- Ban PCTT thôn còn thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ</p> <p>- Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu</p> <p>- Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH.</p> <p>30% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p> <p>20 % người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT</p>	<p>- Thôn có Ban PCTT thôn 17 người, đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm</p> <p>- Đội cứu hộ thôn 15 người,</p> <p>- 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>-80% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai</p>	<p>- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn</p> <p>- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ .</p> <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH</p> <p>Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
	Trung Cự	128	<p>- Ban PCTT thôn còn thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ</p> <p>- Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu</p> <p>- Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH.</p> <p>20% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p> <p>20 % người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT</p>	<p>- Thôn có Ban PCTT thôn 10 người, đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm</p> <p>- Đội cứu hộ thôn 15 người,</p> <p>- 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>-80% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai</p>	<p>- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn</p> <p>- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ .</p> <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH</p> <p>Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
	Tam Linh	238	<p>- Ban PCTT thôn còn thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ</p> <p>- Thành viên đội xung kích thôn chưa có các</p>	<p>- Thôn có Ban PCTT thôn 7 người (1 nữ), đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm</p> <p>- Đội cứu hộ thôn 15 người,</p>	<p>- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn</p> <p>- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p>

			<p>kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu</p> <p>- Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH.</p> <p>50% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p> <p>50 % người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT</p>	<p>- 50% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>-50% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai</p>	<p>nhiệm vụ .</p> <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH</p> <p>Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản</p>	<p>Cao</p> <p>Trung bình</p>
....	Ghi chú khác					

16. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	Xa Liễn	381	<p>- 127 phụ nữ làm chủ hộ</p> <p>- Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (20%) do quan niệm nam mạnh hơn nữ, việc phòng chống thiên tai là của nam giới, việc quyết định về PCTT ở xã hội cũng như gia đình vai trò quyết định của nam cao hơn của nữ.</p> <p>- Trong lực lượng xung kích cứu hộ thôn nữ tham gia chỉ 1 người, do quan niệm việc cứu hộ là của nam giới.</p> <p>- 30% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai</p> <p>- 80 % phụ nữ chưa biết bơi</p> <p>- Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 20-30%, nhiều lĩnh vực phụ nữ có vai trò quyết định hơn nam giới, do nam giới</p>	<p>Ban PCTT thôn có 3 nữ là thành viên</p> <p>Lực lượng cứu hộ có 1 nữ là thành viên</p> <p>- 20 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai</p> <p>- 70% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai</p> <p>- 20% phụ nữ biết bơi</p> <p>- Trong sản xuất, kinh doanh cũng như PCTT phụ nữ và nam giới cùng hưởng lợi như nhau.</p>	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Bất bình đẳng giới</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>

			đi làm ăn xa, phụ nữ ở nhà làm và quyết định			
	Thượng	180	<ul style="list-style-type: none"> - 46 phụ nữ làm chủ hộ - Không có phụ nữ tham gia Ban PCTT thôn và lực lượng cứu hộ, quan niệm việc PCTT, cứu hộ là của nam giới - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm nam mạnh hơn nữ, việc phòng chống thiên tai là của nam giới, việc quyết định về PCTT ở xã hội cũng như gia đình vai trò quyết định của nam cao hơn của nữ. - 30% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 70 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20-30%, nhiều lĩnh vực phụ nữ có vai trò quyết định hơn nam giới, do nam giới đi làm ăn xa, phụ nữ ở nhà làm và quyết định 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 70% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 30% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh cũng như PCTT phụ nữ và nam giới cùng hưởng lợi như nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng giới 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Cao Thấp Trung bình
	Giáp	156	<ul style="list-style-type: none"> - 34 phụ nữ làm chủ hộ - Không có phụ nữ tham gia Ban PCTT thôn và lực lượng cứu hộ, quan niệm việc PCTT, cứu hộ là của nam giới - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (20%) do quan niệm nam mạnh hơn nữ, việc phòng chống thiên tai là của nam giới, việc quyết định về PCTT ở xã hội cũng như gia đình vai trò quyết định của nam cao hơn của nữ. - 30% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 70 % phụ nữ chưa biết bơi 	<ul style="list-style-type: none"> - 20 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 70% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 30% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh cũng như PCTT phụ nữ 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng giới 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Cao Thấp Trung bình

			- Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20-30%, nhiều lĩnh vực phụ nữ có vai trò quyết định hơn nam giới, do nam giới đi làm ăn xa, phụ nữ ở nhà làm và quyết định	và nam giới cùng hưởng lợi như nhau.		
	Trung Cụ	128	- 48 phụ nữ làm chủ hộ - Không có phụ nữ tham gia Ban PCTT thôn và lực lượng cứu hộ, quan niệm việc PCTT, cứu hộ là của nam giới - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (20%) do quan niệm nam mạnh hơn nữ, việc phòng chống thiên tai là của nam giới, việc quyết định về PCTT ở xã hội cũng như gia đình vai trò quyết định của nam cao hơn của nữ. - 30% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 75 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20-30%, nhiều lĩnh vực phụ nữ có vai trò quyết định hơn nam giới, do nam giới đi làm ăn xa, phụ nữ ở nhà làm và quyết định	- 20 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 70% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 25% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh cũng như PCTT phụ nữ và nam giới cùng hưởng lợi như nhau.	Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng giới	Trung bình Cao Thấp Trung bình
....	Tam Linh	238	- 86 phụ nữ làm chủ hộ - Không có phụ nữ tham gia Ban PCTT thôn và lực lượng cứu hộ, quan niệm việc PCTT, cứu hộ là của nam giới - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm nam mạnh hơn nữ, việc phòng chống thiên tai là của nam giới, việc quyết định về PCTT ở xã hội cũng như gia đình	- 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai	Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng	Trung bình Cao Thấp

			<p>vai trò quyết định của nam cao hơn của nữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 80 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20-30%, nhiều lĩnh vực phụ nữ có vai trò quyết định hơn nam giới, do nam giới đi làm ăn xa, phụ nữ ở nhà làm và quyết định 	<ul style="list-style-type: none"> - 70% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 20% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh cũng như PCTT phụ nữ và nam giới cùng hưởng lợi như nhau. 	Bất bình đẳng giới	Trung bình
	Thôn....					
....	<i>Ghi chú khác</i>					

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Thượng	180	- Chùa Thượng (DTLSCM cấp tỉnh), Chùa xây dựng đã lâu, bán kiên cố ở trong vùng tác động của bão	Chùa có Sư Thầy ở tu hành và có tín đồ Phật giáo bảo vệ chùa, phòng chống thiên tai	Hư hại chùa	Trung bình
			-	BQL di tích xã quản lý		
			Di tích Vườn chè (DTLSCM cấp tỉnh) ở trong vùng tác động của bão	Di tích mới được trùng tu, xây dựng kiên cố 2016, có BQL di tích xã quản lý	Hư hại di tích	Thấp
	Nhà ông Phan Cự Số (DTLSCM cấp tỉnh) ở trong vùng tác động của bão	Di tích mới được trùng tu, xây dựng kiên cố 2016, có BQL di tích xã quản lý	Hư hại di tích	Thấp		
	Xa Liễn	381	Di tích Vườn Mái (DTLSCM cấp tỉnh) ở trong vùng tác động của bão	Di tích mới được trùng tu, xây dựng kiên cố 2016, có BQL di tích xã quản lý	Hư hại di tích	Thấp

			Phủ Sển (DTLSCM cấp tỉnh) ở trong vùng tác động của bão	Di tích mới được trùng tu, xây dựng kiên cố 2012, có BQL di tích xã quản lý	Hư hại di tích	Thấp
Ghi chú khác						

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Lúa chết	Đất trồng lúa ở trong vùng ngập úng do mưa kéo dài và nước tràn đê	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tiêu úng không đảm bảo tiêu úng kịp - Giống lúa không chịu được ngập úng - Thiếu áp dụng KHKT vào trồng lúa 	Nâng cấp, cải tạo hệ thống tiêu úng Đầu tư xây dựng trạm bơm tiêu úng Thay đổi giống lúa Điều chỉnh lịch thời vụ thích nghi với thời tiết Cung cấp kiến thức KHKT cho cả nam và nữ giới
		Đất trồng lúa ở vùng thiếu nước, nắng nóng kéo dài	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương thủy lợi xuống cấp - Giống lúa không chịu được hạn - Nước sông bị nhiễm mặn, nước ao hồ bị cạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi - Chọn giống lúa phù hợp - Chủ động nguồn nước tưới, mua thêm máy bơm
		Lúa gieo gập rét	Giống lúa không chịu được rét Lịch thời vụ chưa phù hợp với thời tiết thay đổi Thiếu nguồn nước tưới để làm ấm cây lúa Người dân chưa áp dụng các biện pháp chống rét	Thay đổi giống lúa chịu rét Điều chỉnh lịch thời vụ thích nghi với thời tiết Cung cấp đủ nước tưới Cung cấp kiến thức KHKT cho người trồng lúa cả nam và nữ
2	Thủy sản chết	Thủy sản nuôi trong vùng trũng bị ngập do mưa lớn kéo dài, nước dâng	Bờ bao ao hồ thấp nước tràn vào ao hồ Lịch nuôi thủy sản chưa phù hợp với thời tiết Thiếu áp dụng KHKT vào nuôi thủy sản	Nâng cao bờ ao không cho nước tràn vào Điều chỉnh lịch nuôi để kịp thu hoạch trước mùa nước ngập Nâng cao kiến thức KHKT nuôi thủy sản
3	Hoa màu hư hại	Hoa màu trồng trong vùng trũng, ngập nước	Hệ thống tiêu úng chưa thoát nước kịp làm ngập moa màu	Nâng cấp hệ thống tiêu úng

			Mưa nhiều, hoa màu trồng không có dàn che	Áp dụng KHKT vào trồng hoa màu
4	Gia cầm chết	Gia cầm nuôi trong vùng bị tác động của bão và lụt	Người dân còn nuôi thả rong không kịp nhốt khi có thiên tai Ý thức người dân còn chủ quan, không phòng tránh thiên tai	Thay đổi tập quán, hình thức chăn nuôi Nâng cao nhận thức, ý thức phòng tránh thiên tai cho người dân, nhất là cho phụ nữ
		Gia cầm nuôi gặp thời tiết rét đậm, rét hại	Do nuôi thả rong Chuồng trại chưa kín gió, chưa chủ động chống rét cho gia cầm Chưa tiêm phòng cho gia cầm	Thay đổi hình thức nuôi Nâng cấp chuồng trại kín gió Tiêm phòng bệnh cho gia cầm
5	Hệ thống điện hư hại	Hệ thống điện xây dựng đã lâu ở trong vùng tác động của bão	Một số cột điện chưa kiên cố, xây dựng đã lâu Hệ thống dây điện trần, nhất là trong thôn, có nhiều cây cối	Thay mới cột điện kiên cố Thay hệ thống dây an toàn Phát quang cây cối
6	Ngô/khoai chết, hư hại	Đất trồng ngô/khoai ở trong vùng trũng, ngập nước	Hệ thống tiêu úng chưa tiêu úng kịp làm ngô/khoai ngập úng chết	Nâng cấp, cải tạo hệ thống tiêu úng
		Đất trồng ngô/khoai ở trong vùng thiếu nước khi gặp hạn	Thiếu nguồn nước tưới, hệ thống kênh mương xuống cấp	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh mương
7	Nhà cửa hư hại	Nhà thiếu kiên cố, bán kiên cố ở trong vùng tác động của bão	Nhà xây dựng lâu năm, xuống cấp Không có kinh phí để làm nhà an toàn Không chằng chống nhà cửa khi có tin bão do chủ quan, coi thường và do không có người để chằng chống	Xây nhà kiên cố Hỗ trợ xây nhà an toàn Nâng cao nhận thức về nhà an toàn Hỗ trợ nguồn lực để chằng chống nhà cửa
8	Trâu bò chết	Nuôi trong thời tiết rét	Chuồng trại chưa đảm bảo kín gió Chưa chủ động phòng, chống rét cho trâu bò Nuôi còn thả rông tự do, không quan tâm chăm sóc trâu bò	Nâng cấp chuồng trại, kín về mùa đông Áp dụng các kiến thức dân gian để phòng, chống rét cho trâu bò Thay đổi hình thức chăn nuôi, nuôi nhốt chuồng
9	Hàng hóa ướt, hư hại	Cơ sở mua bán, kho hàng ở trong vùng tác động của bão, lụt	Cơ sở mua bán bán kiên cố dễ bị hư hại do bão Hàng hóa và kho hàng chưa được an toàn, thấp	Nâng cấp, gia cố, kiên cố cơ sở mua bán Nâng cao, kê cất hàng hóa an toàn Nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai
10	Đê vỡ	Đê yếu, xuống cấp	- Đê yếu thường xuyên bị	- Nâng cấp, cải tạo, sửa

			trần - Không được duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, nhiều đoạn đê xuống cấp - Không có kè chống xói hai bên mái đê	chữa đoạn đê xung yếu, có nguy cơ cao - Kiểm tra, phát hiện sự cố trên thân đê nhằm khắc phục kịp thời - Xây kè chống xói mòn hai bên mái đê
11	Thiếu nguồn nước sạch	Vùng đất cứng khó đào giếng Không có nước máy	Giếng khoan sâu, khó khăn, nhiều nơi không có nước, nước giếng khoan bị nhiễm phèn, sắt, vôi	Đưa nguồn nước sạch về
Yêu cầu bắt buộc:	<i>Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã</i>			
<i>Lưu ý khác:</i>				
<i>Hướng dẫn điền:</i>				

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao kiến thức về phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu	Người dân các thôn	Tuyên truyền, tập huấn về phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu cho cán bộ và người dân	x		Nhà nước Các tổ chức Dự án
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho trẻ em trai và trẻ em gái	Trẻ em các thôn Thượng, Giáp, Trung Cự	Tập bơi cho trẻ em trai và trẻ em gái của các thôn vùng ngập lụt		x	Các tổ chức Dự án
Hạ tầng công cộng	Kiên cố hệ thống điện	Người dân các thôn	Thay mới các cột điện chưa kiên cố		x	Ngành điện
			Nâng cấp đường dây điện	x		Ngành điện Người dân

	Bảo vệ hệ thống điện mùa mưa bão	Người dân các thôn	Sửa chữa, gia cố hệ thống điện hàng tháng Chặt tỉa cành cây, phát quang cây cối bảo vệ dây điện trước khi có bão	x x		Ngành điện Ngành điện Người dân
Công trình thủy lợi	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi	Người trồng trọt các thôn	Nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy	x		HTX Người dân
			Nâng cấp trạm bơm tưới tiêu	x		Nhà nước HTX
			Kêu gọi đầu tư xây dựng thêm trạm bơm tiêu		x	Nhà nước
	- Kiểm tra, phát hiện sự cố trên thân đê nhằm khắc phục kịp thời	Người dân 3 thôn Thượng, Trung Cự, Giáp	Thường xuyên tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện sự cố để khắc phục kịp thời	x		Nhà nước Người dân
	- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đê	Người dân 3 thôn Thượng, Trung Cự, Giáp	- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các đoạn đê xung yếu, có nguy cơ cao	x		Nhà nước
	- Xây kè chống xói mòn hai bên mái đê	Người dân 3 thôn Thượng, Trung Cự, Giáp	Kêu gọi đầu tư xây kè chống xói mòn, kiên cố 3,4 km đê		x	Nhà nước
	Nâng cao nhận thức về nhà an toàn, bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Người dân các thôn	Tuyên truyền, tập huấn về nhà an toàn, gia cố, bảo vệ nhà cửa phòng chống bão	x		Nhà nước Các tổ chức
	Chặng	Người dân các	Tuyên truyền vận động người dân chằng chống nhà cửa khi có	x		Nhà nước Các tổ chức

Nhà ở	chống nhà cửa	thôn	bão			
			Cử lực lượng xung kích hỗ trợ các nhà khó khăn chằng chống nhà cửa	x		Nhà nước Các tổ chức
	Xây dựng nhà kiên cố, an toàn	Người dân có nhà thiếu kiên cố các thôn	Vận động người dân xây dựng nhà an toàn	x		Người dân
			Vận động, hỗ trợ các hộ có nhà thiếu kiên cố khó khăn xây dựng nhà an toàn		x	Dự án Các tổ chức
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Đưa nguồn nước sạch về các thôn	Người dân các thôn	Kêu gọi đầu tư hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu về nước ăn uống đến các hộ gia đình		x	Nhà nước và Nhân dân
Trồng trọt	Thay đổi giống lúa	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu thay đổi các giống lúa thích hợp với thời tiết khí hậu, chịu được úng, hạn và rét để gieo cấy		x	Nhà nước HTX
	Điều chỉnh lịch thời vụ thích nghi với thời tiết	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu, điều chỉnh lịch thời vụ thích nghi với thời tiết	x		Nhà nước HTX
	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu chuyển đổi các vùng đất thường xuyên bị thiệt hại bởi úng ngập, hạn hán sang trồng các loại cây thích hợp		x	Nhà nước HTX
	Cung cấp kiến thức	Người trồng trọt các thôn	Tập huấn, chuyển giao	x		Nhà nước

	KHKT cho cả nam và nữ giới		KHKT về trồng trọt cho người trồng lúa(cả nam và nữ)			HTX
Chăn nuôi	Thay đổi tập quán, hình thức chăn nuôi	Người chăn nuôi các thôn	Tuyên truyền vận động người dân thay đổi tập quán chăn nuôi từ thả rông sang nhốt chuồng	x		Người dân
	Nâng cấp chuồng trại	Người chăn nuôi các thôn	Vận động người dân nâng cấp chuồng trại chăn nuôi, thoáng về mùa hè, kín về mùa đông	x		Người dân
	Nâng cao kiến thức KHKT về chăn nuôi	Người chăn nuôi các thôn	Tập huấn, chuyển giao kiến thức KHKT về chăn nuôi cho người dân (phụ nữ)	x		Nhà nước Các đoàn thể
	Áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ gia súc	Người chăn nuôi các thôn	Vận động người chăn nuôi áp dụng các biện pháp dân gian để chống rét cho gia súc	x		Người dân
	Tiêm phòng	Người chăn nuôi các thôn	Tuyên truyền, vận động người dân tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	x		Thú y Người dân
	Nâng cao nhận thức, ý thức phòng tránh thiên tai cho người dân, nhất là cho phụ nữ	Người chăn nuôi các thôn, phụ nữ	Tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức về phòng chống thiên tai, bảo vệ an toàn cho gia súc gia cầm	x		Nhà nước Các tổ chức

Thủy sản	Nâng cao bờ ao không cho nước tràn vào	Người nuôi thủy sản các thôn	Vận động người nuôi thủy sản đắp, tôn cao bờ bao ao, hồ nuôi thủy sản		x	Người dân
	Điều chỉnh lịch nuôi để kịp thu hoạch trước mùa nước ngập	Người nuôi thủy sản các thôn	Vận động người nuôi thủy sản điều chỉnh lịch nuôi, thu hoạch trước mùa mưa ngập lụt	x		Nhà nước Người dân
	Nâng cao kiến thức KHKT nuôi thủy sản	Người nuôi thủy sản các thôn	Tập huấn, chuyển giao KHKT về nuôi thủy sản cho người nuôi	x		Nhà nước Các tổ chức
Du lịch						
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác	Nâng cấp, gia cố, kiên cố cơ sở mua bán	Người mua bán	Gia cố, xây dựng cơ sở mua bán, dịch vụ an toàn, kiên cố		x	Người dân
	Nâng cao, kê cất hàng hóa an toàn		Xây dựng kho hàng an toàn. Kê cất hàng hóa, kho tàng, vật liệu lên cao	x		Người dân
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Đảm bảo thông tin, truyền thông	Người dân các thôn	Mua sắm máy phát điện dự phòng ở các thôn để khi mất điện có thể thông tin cảnh báo được	x		Nhà nước
			Trang bị loa cầm tay cho các thôn để cảnh báo	x		Nhà nước
	Nâng cao năng lực cho BCH PCTT và TKCN xã, thôn	BCH PCTT&TKCN xã, thôn	Tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực về công tác phòng chống	x		Nhà nước Dự án

Phòng chống thiên tai và TỰBĐKH			thiên tai, thích ứng BĐKH cho cán bộ BCH PCTT&TKCN xã, các thôn			
	Nâng cao năng lực cho lực lượng cứu hộ xã, thôn, cho phụ nữ	Lực lượng cứu hộ xã, thôn, người dân các thôn, phụ nữ	Củng cố các đội xung kích cứu hộ các thôn, bổ sung phụ nữ giới vào lực lượng xung kích	x		Nhà nước Các tổ chức Các thôn Dự án
			Tập huấn kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ xã, thôn, nhất là cho nữ giới	x		Nhà nước Các tổ chức Dự án
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Nâng cao kiến thức và nhận thức về giới cho cán bộ và người dân	Cán bộ xã, thôn, người dân cả nam và nữ	Tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới cho cả nam và nữ	x		Nhà nước Các tổ chức
	Nâng cao kiến thức về phòng chống thiên tai cho cả nam và nữ	Người dân	Tuyên truyền, tập huấn về phòng chống thiên tai, thích ứng BĐKH cho cả nam và nữ	x		Nhà nước Các tổ chức
	Phát huy vai trò của phụ nữ trong ban PCTT các thôn	Phụ nữ các thôn Thượng, Giáp, Trung Cự, Tam Linh thôn	Bổ sung thành viên là phụ nữ trong Ban PCTT các thôn	x		Các thôn
	Phát huy vai trò của phụ nữ trong lực lượng xung kích cứu hộ	Phụ nữ các thôn Thượng, Giáp, Trung Cự, Tam Linh	Bổ sung phụ nữ vào lực lượng xung kích cứu hộ xã, các thôn	x		Nhà nước Các tổ chức Các thôn
	Nâng cao kỹ năng về cứu hộ, cứu nạn	Phụ nữ các thôn	Tập huấn về cứu hộ-sơ cấp cứu cho phụ	x		Các đoàn thể

	cho phụ nữ		nữ			
	Phát huy vai trò giới trong công tác phòng chống thiên tai	Nữ giới	Tăng cường sự tham gia và vai trò của nữ giới trong quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng	x		Nhà nước Các tổ chức
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho trẻ em nữ	Trẻ em nữ	Tập bơi cho trẻ em nữ		x	Nhà nước Các tổ chức Dự án Gia đình
	Cung cấp kiến thức KHKT về trồng trọt, chăn nuôi cho phụ nữ	Phụ nữ trồng trọt và chăn nuôi	Tập huấn chuyển giao KHKT về trồng trọt, chăn nuôi cho phụ nữ	x		Các ngành, tổ chức, đoàn thể
	Hỗ trợ cho gia đình các phụ nữ khó khăn	Phụ nữ khó khăn, chủ gia đình	Các tổ chức, lực lượng trợ giúp các gia đình phụ nữ đơn thân, khó khăn trong việc chăm sóc nhà, sơ tán	x		Các tổ chức, đoàn thể
Lưu ý khác						

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

Xã Nga Thắng là địa phương chịu nhiều tác động của thiên tai, nhất là bão, hiện nay còn rất nhiều nhà thiếu kiên cố, các hộ gia đình khó khăn. Đề nghị Dự án Hỗ trợ để người dân xây dựng nhà an toàn. Nhất là các hộ có nhà ở ngoài đê.

Đề nghị hỗ trợ các trang thiết bị phòng chống thiên tai cho xã và các thôn

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Nhất trí với bản báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng của xã Nga Thắng mà Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật đã xây dựng.

Kiến nghị: + Tiếp tục hỗ trợ để xây dựng nhà an toàn cho các hộ khó khăn có nhà thiếu kiên cố xây dựng nhà, tuy nhiên đề nghị nâng mức hỗ trợ lên vì thực tế các hộ nghèo, khó khăn không đủ tiền để xây dựng nhà hoàn chỉnh

+ Nghiên cứu hỗ trợ địa phương về trồng trọt để thích ứng với biến đổi khí hậu

+ Hỗ trợ nguồn lực để địa phương xây dựng nguồn nước sạch cho nhân dân

+ Hỗ trợ xây dựng các điểm tránh trú bão trong cộng đồng.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã**

(đã ký)

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Nam	Nữ	Đơn vị	Số điện thoại
1	Nguyễn Văn Ban	X		PCT UBND xã	0916139323
2	Vũ Mạnh Toàn	X		Cán bộ UBND xã	0973720722
3	Nguyễn Thị Dân		x	Cán bộ UBND xã	0914995284
4	Nguyễn Thị Thoa		x	Cán bộ UBND xã	0948645887
5	Nguyễn Thị Cúc		x	Chủ tịch Hội ND xã	0968223353
6	Lê Thị Mai		x	Cán bộ UBND xã	0978034276
7	Dương Trọng Thắng	X		Cán bộ UBND xã	0838122750
8	Nguyễn Thị Hằng		x	Hội LHPN xã	0914311123
9	Cao Văn Thành	X		P CHT BCHQS xã	0943632556
10	Nguyễn Thị Sác		x	Chủ tịch Hội CTĐ xã	0913120854

2. Phụ Lục: Một số bảng biểu thu thập thông tin

a. Lịch sử thiên tai

Năm	Thiên Tai	Đặc điểm	Khu vực ảnh hưởng	Thiệt hại	Nguyên nhân	Đã làm gì để giảm nhẹ
10/2017	Áp thấp nhiệt đới	Mưa to kéo dài,ngập rộng, nước lên nhanh	Toàn xã	Trần ao hồ làm mất cá 30 ha (XL 1, TC 10, G 9, T 2.5, TL 1) Lúa thiệt hại 5.3 ha do gặt muộn Hoa màu bị thiệt hại 3 ha	Lũ xảy ra vào ban đêm Người dân sinh sống ven bờ đê chịu ảnh hưởng lớn khi có lũ - Lúa chưa kịp thu	Huy động lực lượng và phương tiện chống tràn, vỡ đê Báo cáo về ban CD huyện Phân công cán bộ

				Lợn chết 7 con Gia cầm chết 200 con (Giáp 103, Trung cự 97) - 12 hộ bị ngập sâu làm hư hại hệ thống điện	hoạch hết Mặt bờ ao thấp	và lực lượng trực 24/24 giúp hỗ trợ gia đình khó khăn, người già, trẻ em
1-2/2016	Rét đậm, rét hại	Rét đậm kéo dài, nhiệt độ dưới 10°C	Toàn Xã	Thiệt hại mạ 0,2 ha (TL, T) Thiệt hại về lúa 119 ha (TL, Thượng, XL, Giáp, Trung Cự) Lạc, Ngô Khoai 7 ha (TL, Thượng)	Rét đậm, rét hại kéo dài, giống chưa chịu được rét	Báo cáo xin chỉ đạo từ huyện. Phân công lực lượng trực kiểm tra đồng ruộng, chỉ đạo ngâm ủ mạ, gieo tổ mạ ổn định sản xuất
3-7 năm 2009	Hạn hán Xâm nhập mặn	Nhiệt độ cao kéo dài	Toàn xã	Lúa chết (TL 43 ha, T 45, TC 38, G 19, XL 31) Cây hoa màu chết (TL 20 ha, T 2.8 ha)	Nắng nóng kéo dài, nước mặn xâm thực, hệ thống kênh mương không đảm bảo Chưa chủ động đối phó với thiên tai	Huy động máy bơm để cứu hạn, khơi thông kênh mương đảm bảo dòng chảy Rà soát lúa chết, cấy mạ bổ xung

b. Tổng hợp rủi ro

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
Lụt		<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>- Số hộ ở trong vùng ngập lụt: (Xa Liễn 381, Giáp 156, Trung Cự 128, Thượng 180)</p> <p>Trong đó:</p> <p>+Số hộ ở vùng ngập sâu: (Giáp 156, Thượng 180)</p> <p>*Số người ở vùng ngập sâu: (Giáp 603, Thượng 667)</p> <p>+ Số hộ ở ngoài đê: (Giáp 12)</p> <p>* Số người ở ngoài đê: (Giáp 53)</p> <p>+ Có 75 nhà thiếu kiên cố trong vùng ngập: (Giáp 45 Trung Cự 30)</p> <p>*Có 139 người ở trong nhà thiếu kiên cố trong vùng ngập: (Giáp 19, Trung Cự</p>	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>+ Có 77 nhà cao tầng ở trong vùng ngập: (Xa Liễn 23, Giáp 17, Trung Cự 17, Thượng 20)</p> <p>- Ban PCTT thôn có tổng cộng 51 người: (Xa Liễn 15, Giáp 10, Trung Cự 10, Thượng 9, Tam Linh 7)</p> <p>- Lực lượng xung kích cứu cấp hộ thôn có 76 người: (Xa Liễn 11, Giáp 15, Trung Cự 15, Thượng 20, Tam Linh 15)</p> <p>- Có 1 loa cầm tay (Tam Linh)</p> <p>- Có 95 % người dân nghe được thông tin từ loa của thôn: (Xa Liễn 90%, Giáp 90% Trung Cự 90% Thượng 90% Tam Linh 90%)</p> <p>- Có 80% % người có kiến thức về</p>	Thiệt hại về người

	<p>130)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 50 % người chưa biết bơi: (Xa Liễn 40%, Giáp 50%, Trung Cự 50%, Thượng 60%) trong đó + Nam: (Xa Liễn 60%, Giáp 50%, Trung Cự 50%, Thượng 70%) + Nữ: (Xa Liễn .80% Giáp 30%, Trung Cự 25%, Thượng 70%) + Trẻ em: (Xa Liễn 90%, Giáp 70%, Trung Cự 75%, Thượng 90%) <p>Có 5 % người dân chưa nghe được thông tin từ loa của thôn: (Xa Liễn 50%, Giáp 10% Trung Cự 10% Thượng 10% Tam Linh 20%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 20% người chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai: - Có 30% % Hộ chưa có ý thức chấp hành việc sơ tán: (Xa Liễn 30%, Giáp 20%, Trung Cự 20%, Thượng 20%, Tam Linh 50%) - Có 20% hộ chưa dự trữ lương thực trong mùa thiên tai: (Xa Liễn 40%, Giáp 10%, Tam Linh 10%) <p>100% hộ gia đình không có áo phao, phao dự phòng trong gia đình khi có lụt</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <ul style="list-style-type: none"> 326.8 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Xa Liễn 130 ha, Giáp 43.4 ha , Trung Cự 59 ha, Thượng 50.4 ha, Tam Linh 42 ha) 18 ha đất trồng rau màu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tam Linh 18 ha) 18 ha đất trồng ngô ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tam Linh 18 ha) 12ha đất trồng khoai ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tam Linh 12 ha) 1 ha đất trồng cây thuốc lào ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tam Linh 1 ha) - Có 21.6 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố (Xa Liễn 10.2km, Giáp 4.3km, Trung Cự 3 km, Thượng 1 km, Tam 	<p>phòng chống thiên tai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 70% % Hộ có ý thức chấp hành việc sơ tán: (Xa Liễn 70%, Giáp 80%, Trung Cự 80%, Thượng 80%, Tam Linh 50%) - Có 80% hộ có dự trữ lương thực trong mùa thiên tai: (Xa Liễn 60%, Giáp 90%, Trung Cự 100%, Thượng 100%, Tam Linh 90%) <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 9.6 km kênh mương thủy lợi kiên cố (Xa Liễn 2.9 km, Giáp 0.7 km, Trung Cự 1.6, Thượng 2.8 km, Tam Linh 1.6km) - 2.76 km đường nội đồng kiên cố (Xa Liễn 1.25, Giáp 0.2, Trung Cự 0.71, Thượng 0.6) - Có 0.8 km đê kiên cố tại thôn Giáp - Có 35 máy cày (Xa Liễn 17, Giáp 8, Trung Cự 9, Thượng 10, Tam Linh 3) - Có 80 máy bơm nước (Xa Liễn 40, Trung Cự 10 ,Tam Linh 30) - 2 trạm bơm tiêu úng (Thượng 1, Tam Linh 1) - Có 258 hộ nuôi trâu/bò có chuồng trại ở vùng cao, khi lụt đưa trâu/bò lên 	<p>Thiệt hại về người</p> <p>Thiếu thông tin</p> <p>Lúa hư</p> <p>Hoa màu hư</p> <p>Ngô hư</p> <p>Khoai hư</p> <p>Thuốc lào hư</p> <p>Kênh mương hư</p>
--	---	--	---

	<p>Linh 3.1 km)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3.4 km đê chưa kiên cố (Giáp 0.8 km, Trung Cự 2.6 km) - 0.4 km kè chưa kiên cố trên địa bàn thôn Giáp - Có 12.05 km đường nội đồng là đường đất (Xa Liễn 1.53 km, Giáp 2.48, Trung Cự 2.77, Thượng 2.17, Tam Linh 3.1) <p>Có 378 con trâu/bò được nuôi trong vùng bị ngập sâu. (Xa Liễn 150, Giáp 146 Trung cự 47 Thượng 35)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 194 hộ nuôi lợn trong vùng thường ngập lụt có chuồng lợn thấp (Xa Liễn 185, Giáp 9) - Có 159 hộ nuôi gà vịt thả rông không có chuồng trại (Xa Liễn 12, Giáp 37 Tam Linh 110) - Có 63 ha hồ nuôi cá ở vùng thường ngập sâu (Xa Liễn 21.2, Giáp 8.8 , Trung cự 21.1 , Thượng 8.6, Tam Linh 3.3) - Có 55% người dân chưa được trang bị kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt (Xa Liễn 80%, Giáp 20%, Trung Cự 50%, Thượng 40%, Tam Linh 60%) - Có 4 cơ sở may ở vùng thường ngập sâu có xưởng may thấp (Xa Liễn 2, Trung Cự 1, Tam Linh 1) - Có 8 cơ sở mộc ở vùng thường ngập sâu có cơ sở thấp (Xa Liễn 4 , Giáp 2, Thượng 2, Tam Linh 1) - Có 19 cơ sở xây xát ở vùng thường ngập sâu có cơ sở thấp (Xa Liễn 6, Giáp 2, Trung Cự 4, Thượng 4, Tam Linh 3) - Có 39 hộ buôn bán ở trong vùng bị ngập sâu, có cơ sở buôn bán thấp (Xa Liễn 15 , Giáp 9, Trung Cự 4, Thượng 3, Tam Linh 8) <p>Có 2 nhà hàng bán kiên cố (Xa Liễn 1, Giáp 1)</p> <p>SỨC KHỎE, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</p> <p>Có 280 hộ sử dụng hộ xí tạm: (Xa Liễn 114, Giáp 30, Trung Cự 30, Thượng 36,</p>	<p>(Xa Liễn 80, Giáp 40, Trung Cự 20, Thượng 5, Tam Linh 113)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 54 hộ chăn nuôi lợn đã xây chuồng cao, an toàn cho lợn khi lũ về (Xa Liễn 10, Giáp 13, Tam Linh 31) - Có 544 hộ chăn nuôi gà nhốt chuồng. (Xa Liễn 381, Giáp 80, Tam Linh 83) - Có 2 ha hồ nuôi cá có mặt đê cao an toàn (Tam Linh 2) <p>Có 45% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào chăn nuôi, trồng trọt (Xa Liễn 20%, Giáp 80% , Trung Cự 50%, Thượng 40%, Tam Linh 40%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 cơ sở may ở vùng ngập sâu có xưởng may cao (Xa Liễn 1, Tam Linh 1) - Có 1 cơ sở xây xát ở vùng ngập sâu có cơ sở cao (Xa Liễn 1) - Có 15 hộ buôn bán ở trong vùng bị ngập sâu, có cơ sở buôn bán cao (Xa Liễn 5, Giáp 2, Thượng 2, Tam Linh 6) <p>SỨC KHỎE, VỆ SINH, MÔI TRƯỜNG</p> <p>Có 100% hộ sử dụng nước giếng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội thu gom rác do huyện quản 	<p>Kè hư Đê vỡ</p> <p>Đường hư</p> <p>Trâu /Bò chết</p> <p>Lợn chết</p> <p>Gia cầm chết</p> <p>Cá trôi/chết</p> <p>Hàng hóa hư ướt</p> <p>Ô nhiễm</p>
--	--	--	---

		<p>Tam Linh 70)</p> <p>Có 90% hộ chưa có tủ thuốc gia đình: (Xa Liễn 90%, Giáp 90%, Trung Cự 90%, Thượng 90%, Tam Linh 90%)</p> <p>Có 30%% người dân có ý thức bảo vệ môi trường: (Xa Liễn 50%, Giáp 30%, Trung Cự 20%, Thượng 30% Tam Linh 30%)</p> <p>Có 30%% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe: (Xa Liễn 40%, Giáp 25%, Trung Cự 20%, Thượng 30% Tam Linh 20%)</p> <p>Có 20% % người dân có thẻ bảo hiểm y tế: (Xa Liễn 28%, Giáp 15%, Trung Cự 15%, Thượng 15%, Tam Linh 15%)</p>	<p>lý thường xuyên tổ chức thu gom rác.</p> <p>- Hằng tháng tổ chức vệ sinh môi trường 2 lần</p> <p>Có 10% hộ có tủ thuốc gia đình: (Xa Liễn 10%, Giáp 10%, Trung Cự 10%, Thượng 10%, Tam Linh 10%)</p> <p>Có 70%% người dân có ý thức bảo vệ môi trường: (Xa Liễn 50%, Giáp 70%, Trung Cự 80%, Thượng 70% Tam Linh 70%)</p> <p>Có 70%% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe: (Xa Liễn 60%, Giáp 75%, Trung Cự 80%, Thượng 70% Tam Linh 80%)</p> <p>Có 80% % người dân có thẻ bảo hiểm y tế: (Xa Liễn 72%, Giáp 85%, Trung Cự 85%, Thượng 85%, Tam Linh 85%)</p>	<p>môi trường</p> <p>Dịch bệnh sau thiên tai</p>
Bão		<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>- Trường Tiểu học 4 phòng học bán kiên cố (Thượng)</p> <p>- Trạm y tế có 3 phòng bán kiên cố (Thôn Thượng)</p> <p>Có 1083 hộ ở trong vùng tác động của bão (Xa Liễn 381 hộ, Giáp 156 hộ, Trung cự 128, Thượng 180, Tam Linh 238)</p> <p>Trong đó:</p> <p>- Có 189 nhà thiếu kiên cố (Xa Liễn 53, Giáp 39, Trung Cự.30, Thượng 35, Tam Linh 30)</p> <p>+ Có 867 người ở trong nhà thiếu kiên cố(Xa Liễn 217, Giáp 250, Trung Cự 120, Thượng 130 Tam Linh 150)</p> <p>- Có 505 nhà bán kiên cố (Xa Liễn 140, Giáp 92, Trung Cự 65 Thượng 90 Tam Linh 118)</p> <p>+ Có 2086 người ở trong nhà bán kiên cố (Xa Liễn 688, Giáp 282, Trung Cự 252, Thượng 334, Tam Linh 530)</p> <p>Có 190 cột điện chưa kiên cố (Xa Liễn 130, Giáp 20, Trung Cự 10, Thượng 20</p>	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>- Trường Tiểu học có 14 phòng học kiên cố (Thượng)</p> <p>- Trường THCS có 22 phòng học kiên cố (Xa Liễn)</p> <p>-Trường mầm non (Thượng) có 14 phòng học kiên cố</p> <p>- Trạm y tế có 11 phòng kiên cố (Thôn Thượng)</p> <p>- Có 5 nhà văn hóa thôn kiên cố tại 5 thôn có thể dùng làm nơi tránh trú bão.</p> <p>Có 393.nhà kiên cố (Xa Liễn 188, Giáp 25, Trung Cự 35 Thượng 55, Tam Linh 90)</p> <p>Có 9 điểm sơ tán bão trong thôn (Xa Liễn 2, Trung Cự 4, Tam Linh 3)</p> <p>- Có 95 % người dân nghe được thông tin từ loa của thôn:</p> <p>- Hệ thống điện phủ khắp 100% các thôn</p> <p>- Có 80% % người có kiến thức về phòng chống thiên tai:</p>	<p>Nhà sập/Tóc mái</p> <p>Thiệt hại về người</p> <p>Cột điện gãy đổ</p>

		<p>Tam Linh 10)</p> <p>Có 3 cơ sở hạ tầng khác trong thôn có thể bị hư hại do bão(Xa Liễn 3)</p> <p>- Có 40 % Hộ chưa chủ động chằng chống nhà cửa:</p> <p>Có 5 % người dân chưa nghe được thông tin từ loa của thôn:</p> <p>- Có 20% người chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai: (Xa Liễn 70%, Giáp 30%, Trung Cự 20%, Thượng 30%, Tam Linh 50%)</p> <p>- Có 30% % Hộ chưa có ý thức chấp hành việc sơ tán</p> <p>- Có 20% hộ chưa dự trữ lương thực trong mùa thiên tai:</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>- 304.8 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Xa Liễn 130 ha, Giáp 43.4 ha , Trung Cự 39 ha, Thượng 50.4 ha, Tam Linh 42 ha)</p> <p>- Có 18 ha đất trồng ngô ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (Tam Linh)</p> <p>- Có 3.6 ha đất cây ăn trái ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (Giáp 3.6)</p> <p>- Có 4 nhà hàng/ăn uống chưa kiên cố (Xa Liễn 1, Giáp 1,Thượng 2)</p> <p>- Có 46 hộ buôn bán cơ sở mua bán chưa được kiên cố (Xa Liễn 19, Giáp 11, Trung Cự 4, Thượng 4, Tam Linh 8)</p> <p>- Có 7 cơ sở mộc có cơ sở chưa được kiên cố (Xa Liễn 3, Giáp 2, Thượng 2)</p> <p>- Có 3 cơ sở may có cơ sở chưa được kiên cố (Xa Liễn 1, Trung Cự 1,Tam Linh 1)</p> <p>- Có 18 cơ sở xay xát có cơ sở chưa được kiên cố (Xa Liễn 5, Giáp 2, Trung Cự 4, Thượng 4, Tam Linh 3)</p>	<p>- Có 60 % Hộ có ý thức chủ động chằng chống nhà cửa:</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>- Có 3 cơ sở may có cơ sở kiên cố (Xa Liễn 1,Trung Cự 1, Tam Linh 1)</p> <p>- Có 1 cơ sở mộc có cơ sở kiên cố (Xa Liễn 1)</p> <p>- Có 5 cơ sở xay xát có cơ sở kiên cố (Xa Liễn 1, Thượng 4)</p> <p>- Có 13 hộ buôn bán cơ sở mua bán kiên cố (Xa Liễn 1,Trung Cự 4, Thượng 2, Tam Linh 6)</p>	<p>Thiếu thông tin</p> <p>Lúa hư hại</p> <p>Cây ăn trái gãy đổ</p> <p>Hàng hóa hư hại</p>
<p>Sạt lở đất</p>		<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>- 150 Nhà (215 hộ) ở sát chân núi Sến có nguy cơ sạt lở đất cao (Xa Liễn)</p>	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>- Có 50 nhà kiên cố xung quanh khu</p>	<p>Thiệt hại về nhà</p>

		<p>trong đó</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố 40 nhà. - Nhà thiếu kiên cố 60 nhà - Có 121 người già sinh sống xung quanh khu vực chân núi Sến có nguy cơ chịu ảnh hưởng của sạt lở đất - Có 102 trẻ em sinh sống xung quanh khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở - Có 258 phụ nữ sinh sống xung quanh khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở (83 phụ nữ làm chủ hộ) 	<p>vực chân núi Sến</p>	<p>Thiệt hại về người</p>
Mưa nhiều		<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>326.8 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Xa Liễn 130 ha, Giáp 43.4 ha , Trung Cự 59 ha, Thượng 50.4 ha, Tam Linh 42 ha)</p> <p>18 ha đất trồng rau màu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tam Linh 18 ha)</p> <p>18 ha đất trồng ngô ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tam Linh 18 ha)</p> <p>12ha đất trồng khoai ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tam Linh 12 ha)</p> <p>1 ha đất trồng cây thuốc lào ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Tam Linh 1 ha)</p>	<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 9.6 km kênh mương thủy lợi kiên cố (Xa Liễn 2.9 km, Giáp 0.7 km, Trung Cự 1.6, Thượng 2.8 km, Tam Linh 1.6km) - Có 21.6 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố (Xa Liễn 10.2km, Giáp 4.3km, Trung Cự 3 km, Thượng 1 km, Tam Linh 3.1 km) - Có 80 máy bơm nước (Xa Liễn 40, Trung Cự 10 ,Tam Linh 30) - 2 trạm bơm tiêu úng (Thượng 1, Tam Linh 1) 	<p>Lúa chết</p> <p>Hoa màu chết</p> <p>Ngô chết</p> <p>Khoai chết</p> <p>Thuốc lào chết</p>
Rét		<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>306.8 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Xa Liễn 130 ha, Giáp 43.4 ha , Trung Cự 39 ha, Thượng 50.4 ha, Tam Linh 42 ha)</p> <p>Có 75 hộ nuôi trâu, bò nuôi trong vùng tác động của rét có chuồng trại còn tạm bợ chưa kín gió (Xa Liễn 32, Giáp 27, Thượng 16)</p> <p>Có 30% người hộ nuôi chưa biết áp dụng các biện pháp dân gian (kinh nghiệm) để chống rét cho trâu bò (Xa Liễn 40%, Giáp 20%, Trung cự 40%, Thượng 30%, Tam Linh 20%)</p>	<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>Có 65% người dân có kinh nghiệm trong việc phòng, chống rét cho cây lúa (Xa Liễn 30%, Giáp 80%, Trung Cự 70%, Thượng 70%%, Tam Linh 80%)</p> <p>Có 269 hộ nuôi bò trong vùng tác động của rét có chuồng trại an toàn (Xa Liễn 10, Giáp 40, Trung Cự 57, Thượng 20, Tam Linh 142)</p> <p>Có 70% người dân áp dụng các biện pháp dân gian (kinh nghiệm) để chống rét cho trâu bò (Xa Liễn 60%, Giáp 80%, Trung cự 60%, Thượng 70%, Tam Linh 80%)</p>	<p>Lúa chết</p> <p>Trâu bò chết</p>

<p>Hạn</p>	<p>SẢN XUẤT KINH DOANH 326.8 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị hạn (Xa Liễn 130 ha, Giáp 43.4 ha , Trung Cự 59 ha, Thượng 50.4 ha, Tam Linh 42 ha)</p>	<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 9.6 km kênh mương thủy lợi kiên cố (Xa Liễn 2.9 km, Giáp 0.7 km, Trung Cự 1.6, Thượng 2.8 km, Tam Linh 1.6km) - Có 21.6 km kênh đất (Xa Liễn 10.2km, Giáp 4.3km, Trung Cự 3 km, Thượng 1 km, Tam Linh 3.1 km) - Có 80 máy bơm nước (Xa Liễn 40,Trung Cự 10 ,Tam Linh 30) - 2 trạm bơm (Thượng 1, Tam Linh 1) 	<p>Lúa chết</p>
-------------------	---	---	-----------------

3. Phụ Lục: Một số hình ảnh





